

Báo cáo thử nghiệm tại hiện trường

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

ECOPOSENC-AD (chất giảm bụi phát tán).

Công trường san nền dự án phát triển đô thị Asan Tangjeong.

Ngày đo: 16/02 và 06/03/2024.

The One Chemical International.



ECOPOSENC-AD(비산먼지저감제) 현장실험 보고서

아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장
(24. 02. 16 / 03. 06)



더원케미칼인터내셔널(주)

Thử nghiệm tại công trường Asan Tangjeong

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Lịch trình: Phun ngày 02/02/2024; đo lần 1 ngày 16/02/2024; đo lần 2 ngày 06/03/2024.

Địa điểm: Phía sau các nhà trẻ Alps và Heidi, công trường san nền dự án phát triển đô thị Asan Tangjeong; khu vực 641, đường Yi Sun-sin-daero, Tangjeong-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do.

Tham gia: The One Chemical - Kim Hyeong-seok (giám đốc), Yun Hui-geun (trưởng nhóm), Kim Ho-jung (trợ lý quản lý), Lee Seung-muk (nhân viên); POSCO E&C - So Seong-hwan (phó quản lý).

- 1. Lúc 09:30 ngày 02/02, đo trước khi phun tại 4 điểm, 30 lần, cách nhau 1 phút.
- 2. Từ 10:30 ngày 02/02, phun chất giảm bụi rồi để khô.
- 3. Trộn 14,000 kg nước và 140 kg chất giảm bụi trong xe tưới nước (100:1), phun tại hiện trường.
- 4. Ngày 16/02 (+15 ngày) và 06/03 (33 ngày), đo tại 4 điểm của khu vực phun, 30 lần, cách nhau 1 phút.

Ghi chú dịch: Giữ nguyên các số ngày do báo cáo ghi, không tự điều chỉnh.

1. 아산탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 비산먼지저감제 현장 시험

■ 시험 일정 : 2024년 02월 02일(살포)

2024년 02월 16일(1차 측정), 2024년 03월 06일(2차 측정)

■ 시험 장소 : 아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장(알프스, 하이드리 어린이집 후면)
(충남 아산시 탕정면 이순신대로 641 일원)

■ 시험 참가 인원

더원케미칼 : 김형석 이사, 윤희근 팀장, 김호중 대리, 이승묵 사원

포스코이앤씨 : 소성환 차장

■ 시험 방법

1. 02/02 오전 09:30부 비산먼지저감제 살포 전 상태 측정

(4 Point 미세먼지 농도 1분간격으로 30회 측정)

2. 02/02 오전 10:30부 비산먼지저감제 살포 후 건조

3. 02/02 비산먼지 저감제는 살수차에 물 14,000kg + 비산먼지저감제 140kg 혼합 (100:1)
하여 현장에 살포

4. 02/16(+15일), 03/06(33일) 현장에서 비산먼지저감제 살포지점의 4 Point 미세먼지 농도
1분간격으로 30회 측정

Ảnh trộn và phun chất giảm bụi

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Chú thích: Trộn chất giảm bụi (100:1); xác định khu vực phun; trạng thái sau khi phun; phun chất giảm bụi; phun chất giảm bụi. Khu vực A và B.

2. 비산먼지저감제 혼합 및 살포 현장 사진



비산먼지저감제 혼합(100:1)



비산먼지저감제
살포구간 확인



비산먼지저감제
살포



비산먼지저감제
살포



비산먼지저감제
살포 후 상태

Vị trí đo nồng độ bụi - khu vực A

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Khu vực A: Các điểm đo #1, #2, #3, #4 được đánh dấu trên ảnh.

3. 미세먼지농도 측정현장 (A구간)



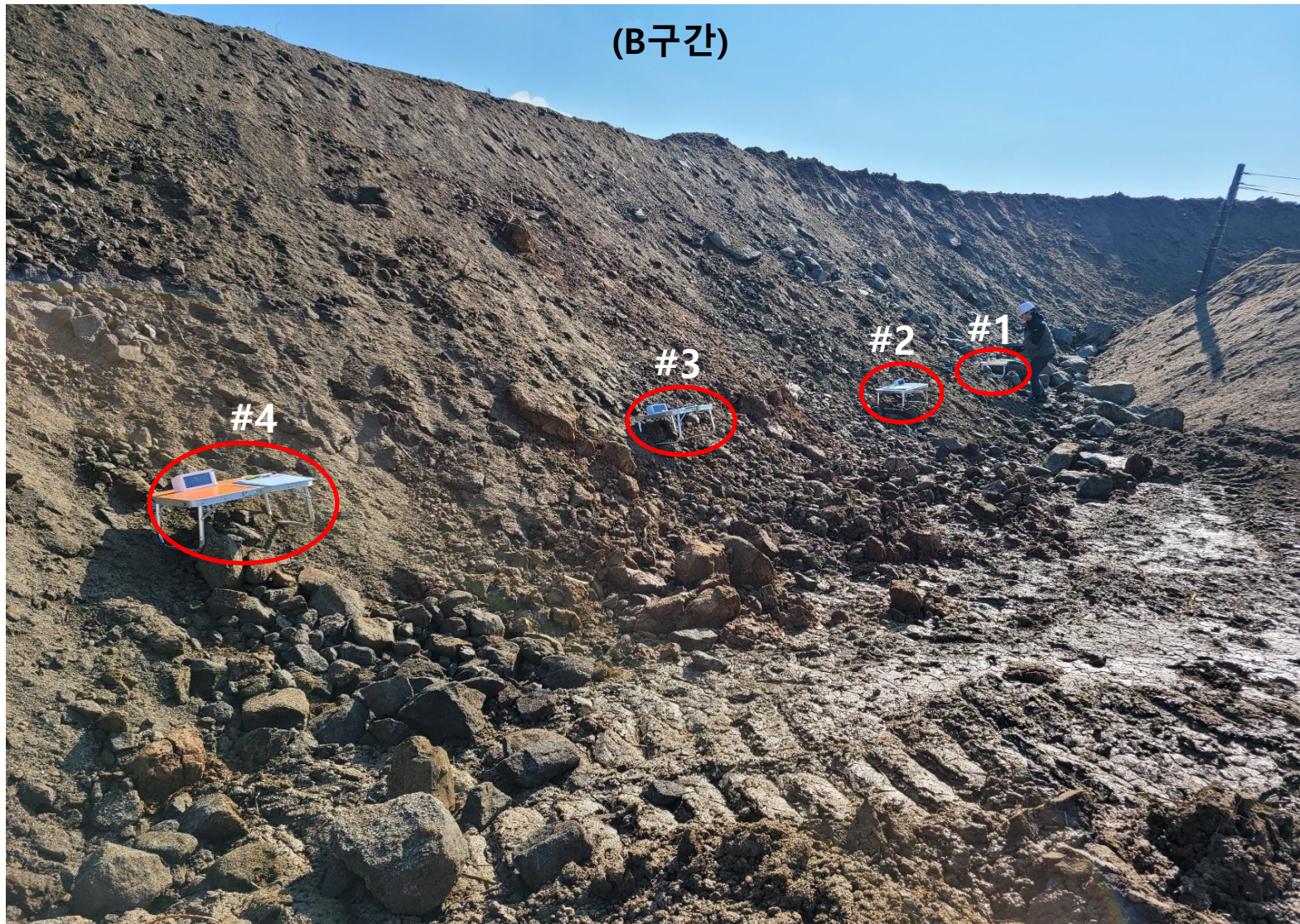
Vị trí đo nồng độ bụi - khu vực B

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Khu vực B: Các điểm đo #1, #2, #3, #4 được đánh dấu trên ảnh.

4. 미세먼지농도 측정현장 (B구간)



Đo nồng độ bụi sau 1 tháng - lần 2, khu vực A

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Ảnh vị trí đo tại khu vực A, tại các điểm #1-#4, sau khi phun chất giảm bụi khoảng 1 tháng.

5. 비산먼지저감제 살포 1달 경과 후 미세먼지농도 측정(2차)

(A구간)



Đo nồng độ bụi sau 1 tháng - lần 2, khu vực B

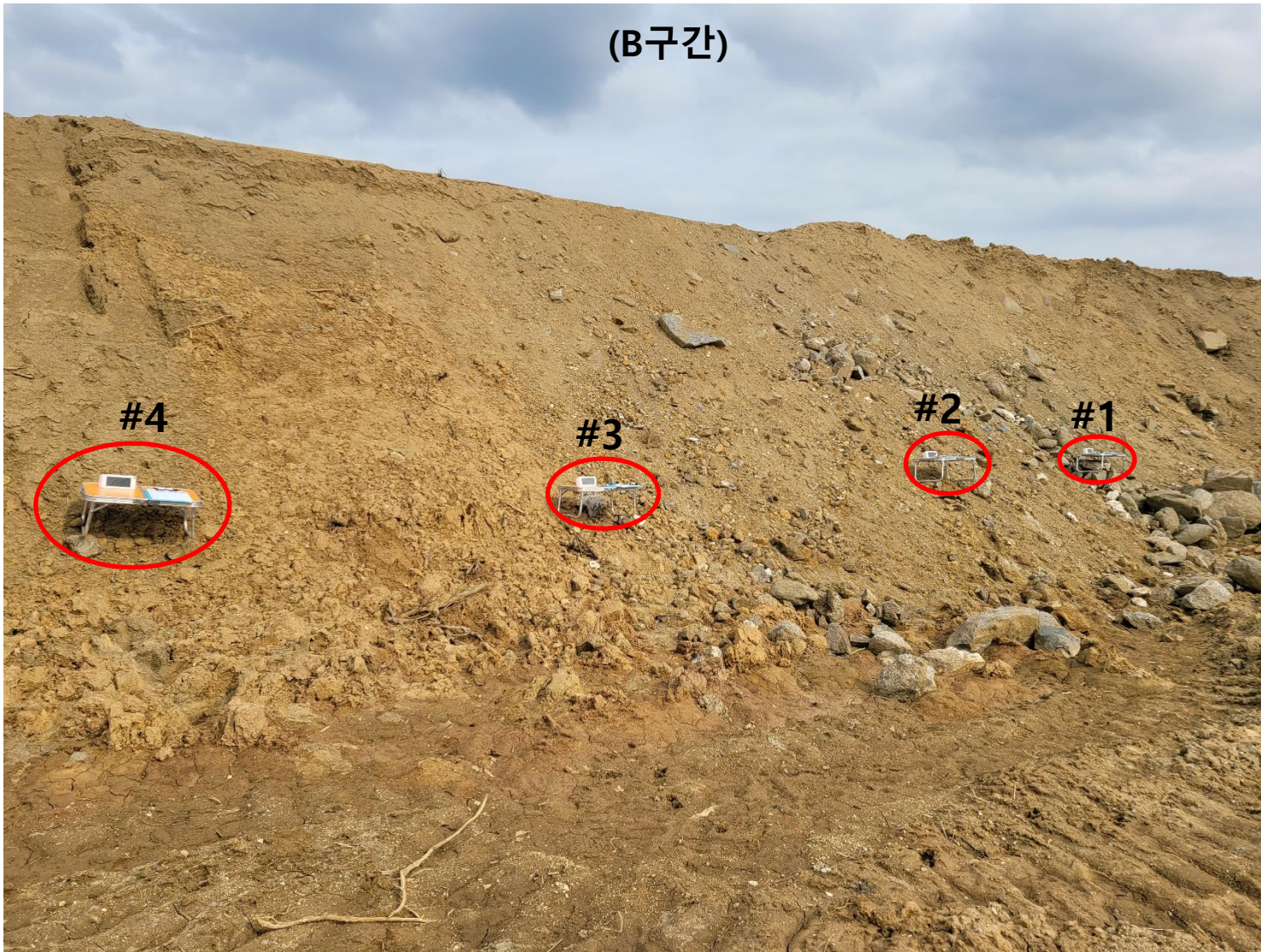
Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Ảnh vị trí đo tại khu vực B, tại các điểm #1-#4, sau khi phun chất giảm bụi khoảng 1 tháng.

6. 비산먼지저감제 살포 1달 경과 후 미세먼지농도 측정(2차)

(B구간)



Kết quả đo nồng độ bụi - khu vực A, lần 1

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Ngày: 16/02/2024. Trong phần mô tả ngày, bản gốc gọi đây là thử nghiệm giảm bụi lần 2 tại công trường POSCO E&C Asan Tangjeong.

Nhiệt độ: 9°C. Độ ẩm: 52%.

Các cột: Số lần đo; trước khi phun khu vực A, điểm #1-#4 và trung bình; sau khi phun khu vực A, điểm #1-#4 và trung bình. Chỉ tiêu: PM10.

Trung bình trước khi phun: 47.6 / 46.4 / 53.1 / 58.8; trung bình chung 51.5.

Trung bình sau khi phun: 20.8 / 18.5 / 25.8 / 25.6; trung bình chung 22.7.

Bảng dữ liệu - bản dịch nhãn cột

Nhóm 1: trước khi phun; nhóm 2: sau khi phun. Cả hai là PM10; #1-#4 là các điểm đo. TB = trung bình.

Lần	1-#1	1-#2	1-#3	1-#4	TB 1	2-#1	2-#2	2-#3	2-#4	TB 2
1	49	49	56	60	53.5	22	20	27	24	23.3
2	54	42	55	59	52.5	19	19	22	22	20.5
3	55	50	54	49	52.0	21	18	24	24	21.8
4	53	52	54	62	55.3	22	18	24	24	22.0
5	49	44	57	54	51.0	20	18	27	24	22.3
6	54	52	54	58	54.5	19	19	27	23	22.0
7	49	46	53	56	51.0	20	18	29	25	23.0
8	48	50	52	60	52.5	21	19	24	27	22.8
9	48	47	53	64	53.0	22	18	27	22	22.3
10	42	48	53	57	50.0	21	17	24	24	21.5
11	54	50	52	57	53.3	21	17	25	29	23.0
12	52	47	52	59	52.5	21	18	25	27	22.8
13	53	45	53	64	53.8	22	18	24	25	22.3
14	51	46	53	63	53.3	19	20	25	22	21.5
15	54	44	50	61	52.3	21	18	29	27	23.8
16	50	46	54	59	52.3	20	17	29	31	24.3
17	54	50	52	59	53.8	21	18	28	24	22.8
18	46	52	48	56	50.5	21	18	25	29	23.3
19	42	44	53	57	49.0	21	20	25	25	22.8
20	39	44	53	62	49.5	19	19	24	27	22.3
21	43	43	51	57	48.5	20	19	27	24	22.5
22	37	42	52	62	48.3	21	19	24	27	22.8
23	40	44	53	64	50.3	22	20	29	25	24.0
24	39	47	52	60	49.5	21	19	27	29	24.0
25	44	50	52	59	51.3	21	19	27	27	23.5
26	43	42	53	50	47.0	21	18	25	24	22.0
27	42	43	56	51	48.0	22	19	24	31	24.0
28	37	46	54	64	50.3	21	18	25	26	22.5
29	49	46	54	62	52.8	21	18	29	24	23.0
30	58	42	55	60	53.8	20	18	24	27	22.3
TB	47.6	46.4	53.1	58.8	51.5	20.8	18.5	25.8	25.6	22.7

7. 미세먼지농도 측정 결과 (A구간/1차)

일자		2024. 02. 16 (포스코이앤씨 아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장 비산먼지저감 2차시험)									
구분		비산먼지 저감제 살포 전 A구간					비산먼지 저감제 살포 후 A구간				
온도	9℃	#1	#2	#3	#4	평균	#1	#2	#3	#4	평균
습도	52%	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10
1		49	49	56	60	53.5	22	20	27	24	23.3
2		54	42	55	59	52.5	19	19	22	22	20.5
3		55	50	54	49	52.0	21	18	24	24	21.8
4		53	52	54	62	55.3	22	18	24	24	22.0
5		49	44	57	54	51.0	20	18	27	24	22.3
6		54	52	54	58	54.5	19	19	27	23	22.0
7		49	46	53	56	51.0	20	18	29	25	23.0
8		48	50	52	60	52.5	21	19	24	27	22.8
9		48	47	53	64	53.0	22	18	27	22	22.3
10		42	48	53	57	50.0	21	17	24	24	21.5
11		54	50	52	57	53.3	21	17	25	29	23.0
12		52	47	52	59	52.5	21	18	25	27	22.8
13		53	45	53	64	53.8	22	18	24	25	22.3
14		51	46	53	63	53.3	19	20	25	22	21.5
15		54	44	50	61	52.3	21	18	29	27	23.8
16		50	46	54	59	52.3	20	17	29	31	24.3
17		54	50	52	59	53.8	21	18	28	24	22.8
18		46	52	48	56	50.5	21	18	25	29	23.3
19		42	44	53	57	49.0	21	20	25	25	22.8
20		39	44	53	62	49.5	19	19	24	27	22.3
21		43	43	51	57	48.5	20	19	27	24	22.5
22		37	42	52	62	48.3	21	19	24	27	22.8
23		40	44	53	64	50.3	22	20	29	25	24.0
24		39	47	52	60	49.5	21	19	27	29	24.0
25		44	50	52	59	51.3	21	19	27	27	23.5
26		43	42	53	50	47.0	21	18	25	24	22.0
27		42	43	56	51	48.0	22	19	24	31	24.0
28		37	46	54	64	50.3	21	18	25	26	22.5
29		49	46	54	62	52.8	21	18	29	24	23.0
30		58	42	55	60	53.8	20	18	24	27	22.3
평균		47.6	46.4	53.1	58.8	51.5	20.8	18.5	25.8	25.6	22.7

Kết quả đo nồng độ bụi - khu vực B, lần 1

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Ngày: 16/02/2024. Bản gốc gọi đây là thử nghiệm giảm bụi lần 2.

Nhiệt độ: 9°C. Độ ẩm: 55%.

Các cột: Số lần đo; trước khi phun khu vực B, điểm #1-#4 và trung bình; sau khi phun khu vực B, điểm #1-#4 và trung bình. Chỉ tiêu: PM10.

Trung bình trước: 50.7 / 49.5 / 56.0 / 61.6; trung bình chung 54.5.

Trung bình sau: 24.7 / 24.1 / 28.9 / 28.5; trung bình chung 26.6.

Bảng dữ liệu - bản dịch nhãn cột

Nhóm 1: trước khi phun; nhóm 2: sau khi phun. Cả hai là PM10; #1-#4 là các điểm đo. TB = trung bình.

Lần	1-#1	1-#2	1-#3	1-#4	TB 1	2-#1	2-#2	2-#3	2-#4	TB 2
1	52	52	59	63	56.5	28	26	29	27	27.5
2	57	45	58	62	55.5	23	22	25	25	23.8
3	56	53	57	52	54.5	24	24	27	28	25.8
4	56	55	57	65	58.3	25	23	27	27	25.5
5	52	47	59	57	53.8	23	23	30	27	25.8
6	55	55	57	61	57.0	29	26	29	26	27.5
7	52	49	56	59	54.0	23	25	33	28	27.3
8	51	53	55	63	55.5	24	26	27	30	26.8
9	50	50	56	67	55.8	25	22	30	25	25.5
10	45	51	56	60	53.0	24	24	27	27	25.5
11	57	53	55	60	56.3	26	24	28	30	27.0
12	55	50	53	64	55.5	24	25	28	30	26.8
13	52	48	56	67	55.8	25	28	27	28	27.0
14	54	49	56	63	55.5	24	24	28	25	25.3
15	57	50	53	64	56.0	24	23	27	30	26.0
16	53	49	57	62	55.3	23	22	32	33	27.5
17	57	53	55	62	56.8	24	24	31	27	26.5
18	49	55	51	59	53.5	27	26	28	32	28.3
19	44	46	56	60	51.5	24	30	28	28	27.5
20	42	47	56	65	52.5	25	25	27	30	26.8
21	46	46	55	60	51.8	23	22	30	27	25.5
22	40	45	55	65	51.3	28	22	27	30	26.8
23	43	47	56	67	53.3	25	23	33	28	27.3
24	42	50	55	63	52.5	24	22	30	30	26.5
25	47	53	55	62	54.3	26	29	30	30	28.8
26	46	45	56	53	50.0	24	21	28	27	25.0
27	45	46	59	54	51.0	25	24	27	35	27.8
28	40	49	57	65	52.8	25	21	28	29	25.8
29	66	49	57	64	59.0	24	26	32	27	27.3
30	60	46	57	61	56.0	23	21	35	30	27.3
TB	50.7	49.5	56.0	61.6	54.5	24.7	24.1	28.9	28.5	26.6

8. 미세먼지농도 측정 결과 (B구간/1차)

일자		2024. 02. 16 (포스코이앤씨 아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장 비산먼지저감 2차시험)									
구분		비산먼지 저감제 살포 전 B구간					비산먼지 저감제 살포 후 B구간				
온도	9℃	#1	#2	#3	#4	평균	#1	#2	#3	#4	평균
습도	55%	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10
1		52	52	59	63	56.5	28	26	29	27	27.5
2		57	45	58	62	55.5	23	22	25	25	23.8
3		56	53	57	52	54.5	24	24	27	28	25.8
4		56	55	57	65	58.3	25	23	27	27	25.5
5		52	47	59	57	53.8	23	23	30	27	25.8
6		55	55	57	61	57.0	29	26	29	26	27.5
7		52	49	56	59	54.0	23	25	33	28	27.3
8		51	53	55	63	55.5	24	26	27	30	26.8
9		50	50	56	67	55.8	25	22	30	25	25.5
10		45	51	56	60	53.0	24	24	27	27	25.5
11		57	53	55	60	56.3	26	24	28	30	27.0
12		55	50	53	64	55.5	24	25	28	30	26.8
13		52	48	56	67	55.8	25	28	27	28	27.0
14		54	49	56	63	55.5	24	24	28	25	25.3
15		57	50	53	64	56.0	24	23	27	30	26.0
16		53	49	57	62	55.3	23	22	32	33	27.5
17		57	53	55	62	56.8	24	24	31	27	26.5
18		49	55	51	59	53.5	27	26	28	32	28.3
19		44	46	56	60	51.5	24	30	28	28	27.5
20		42	47	56	65	52.5	25	25	27	30	26.8
21		46	46	55	60	51.8	23	22	30	27	25.5
22		40	45	55	65	51.3	28	22	27	30	26.8
23		43	47	56	67	53.3	25	23	33	28	27.3
24		42	50	55	63	52.5	24	22	30	30	26.5
25		47	53	55	62	54.3	26	29	30	30	28.8
26		46	45	56	53	50.0	24	21	28	27	25.0
27		45	46	59	54	51.0	25	24	27	35	27.8
28		40	49	57	65	52.8	25	21	28	29	25.8
29		66	49	57	64	59.0	24	26	32	27	27.3
30		60	46	57	61	56.0	23	21	35	30	27.3
평균		50.7	49.5	56.0	61.6	54.5	24.7	24.1	28.9	28.5	26.6

Kết quả đo nồng độ bụi - khu vực A và B, lần 2

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Ngày: 06/03/2024. Bản gốc gọi đây là thử nghiệm giảm bụi lần 3.

Nhiệt độ: 14°C. Độ ẩm: 48%. Đo sau khi phun khoảng 1 tháng.

Các cột: Số lần đo; khu vực A, điểm #1-#4 và trung bình; khu vực B, điểm #1-#4 và trung bình. Chỉ tiêu: PM10.

Trung bình A: 22.3 / 21.2 / 25.8 / 25.8; chung 23.8.

Trung bình B: 21.3 / 22.2 / 23.6 / 23.0; chung 22.5.

Bảng dữ liệu - bản dịch nhãn cột

Nhóm 1: khu vực A; nhóm 2: khu vực B. Cả hai là PM10; #1-#4 là các điểm đo. TB = trung bình.

Lần	1-#1	1-#2	1-#3	1-#4	TB 1	2-#1	2-#2	2-#3	2-#4	TB 2
1	23	21	27	25	24.0	19	24	20	21	21.0
2	24	22	21	25	23.0	22	24	21	21	22.0
3	22	20	25	25	23.0	21	22	22	22	21.8
4	22	21	25	26	23.5	21	21	23	24	22.3
5	22	21	24	25	23.0	22	22	24	24	23.0
6	22	20	27	24	23.3	20	22	24	23	22.3
7	22	21	25	26	23.5	21	22	25	22	22.5
8	22	21	27	27	24.3	22	23	22	25	23.0
9	22	20	25	27	23.5	20	22	24	22	22.0
10	22	21	25	25	23.3	23	22	25	27	24.3
11	22	21	25	25	23.3	21	25	25	23	23.5
12	22	21	27	25	23.8	22	22	22	23	22.3
13	22	21	25	24	23.0	21	24	25	24	23.5
14	22	22	25	25	23.5	22	22	24	22	22.5
15	22	21	25	27	23.8	21	23	25	22	22.8
16	23	21	25	25	23.5	21	23	23	25	23.0
17	22	21	27	26	24.0	21	22	21	24	22.0
18	22	20	29	25	24.0	20	20	22	23	21.3
19	22	22	25	27	24.0	24	22	25	23	23.5
20	22	21	27	26	24.0	21	20	25	23	22.3
21	22	22	25	21	22.5	22	22	23	22	22.3
22	23	22	27	27	24.8	20	23	22	23	22.0
23	22	21	25	27	23.8	21	22	25	23	22.8
24	22	21	25	27	23.8	19	21	25	21	21.5
25	24	22	25	28	24.8	22	22	26	22	23.0
26	22	22	27	27	24.5	24	22	24	22	23.0
27	23	21	27	24	23.8	21	23	24	24	23.0
28	23	22	29	28	25.5	22	22	22	24	22.5
29	22	22	27	27	24.5	23	22	24	23	23.0
30	22	21	25	27	23.8	21	21	25	24	22.8
TB	22.3	21.2	25.8	25.8	23.8	21.3	22.2	23.6	23.0	22.5

9. 미세먼지농도 측정 결과 (A,B구간/2차)

일자	2024. 03. 06 (포스코이앤씨 아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장 비산먼지저감 3차시험)										
구분	비산먼지 저감제 살포 1달 경과 A구간					평균	비산먼지 저감제 살포 1달 경과 B구간				평균
온도	14℃	#1	#2	#3	#4		#1	#2	#3	#4	
습도	48%	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10	PM10
1		23	21	27	25	24.0	19	24	20	21	21.0
2		24	22	21	25	23.0	22	24	21	21	22.0
3		22	20	25	25	23.0	21	22	22	22	21.8
4		22	21	25	26	23.5	21	21	23	24	22.3
5		22	21	24	25	23.0	22	22	24	24	23.0
6		22	20	27	24	23.3	20	22	24	23	22.3
7		22	21	25	26	23.5	21	22	25	22	22.5
8		22	21	27	27	24.3	22	23	22	25	23.0
9		22	20	25	27	23.5	20	22	24	22	22.0
10		22	21	25	25	23.3	23	22	25	27	24.3
11		22	21	25	25	23.3	21	25	25	23	23.5
12		22	21	27	25	23.8	22	22	22	23	22.3
13		22	21	25	24	23.0	21	24	25	24	23.5
14		22	22	25	25	23.5	22	22	24	22	22.5
15		22	21	25	27	23.8	21	23	25	22	22.8
16		23	21	25	25	23.5	21	23	23	25	23.0
17		22	21	27	26	24.0	21	22	21	24	22.0
18		22	20	29	25	24.0	20	20	22	23	21.3
19		22	22	25	27	24.0	24	22	25	23	23.5
20		22	21	27	26	24.0	21	20	25	23	22.3
21		22	22	25	21	22.5	22	22	23	22	22.3
22		23	22	27	27	24.8	20	23	22	23	22.0
23		22	21	25	27	23.8	21	22	25	23	22.8
24		22	21	25	27	23.8	19	21	25	21	21.5
25		24	22	25	28	24.8	22	22	26	22	23.0
26		22	22	27	27	24.5	24	22	24	22	23.0
27		23	21	27	24	23.8	21	23	24	24	23.0
28		23	22	29	28	25.5	22	22	22	24	22.5
29		22	22	27	27	24.5	23	22	24	23	23.0
30		22	21	25	27	23.8	21	21	25	24	22.8
평균		22.3	21.2	25.8	25.8	23.8	21.3	22.2	23.6	23.0	22.5

Biểu đồ nồng độ bụi - khu vực A, lần 1

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

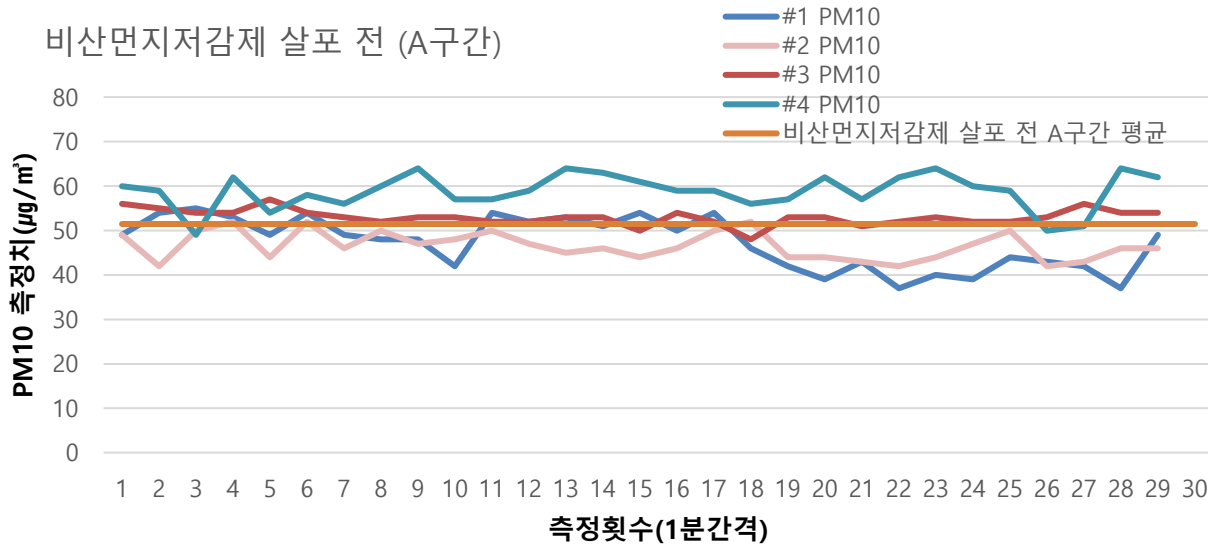
Biểu đồ trên: Trước khi phun, khu vực A; biểu đồ dưới: Sau khi phun, khu vực A.

Trục dọc: Giá trị PM10 ($\mu\text{g}/\text{m}^3$); trục ngang: Số lần đo, cách nhau 1 phút. Chú giải: #1-#4 PM10 và trung bình khu vực A.

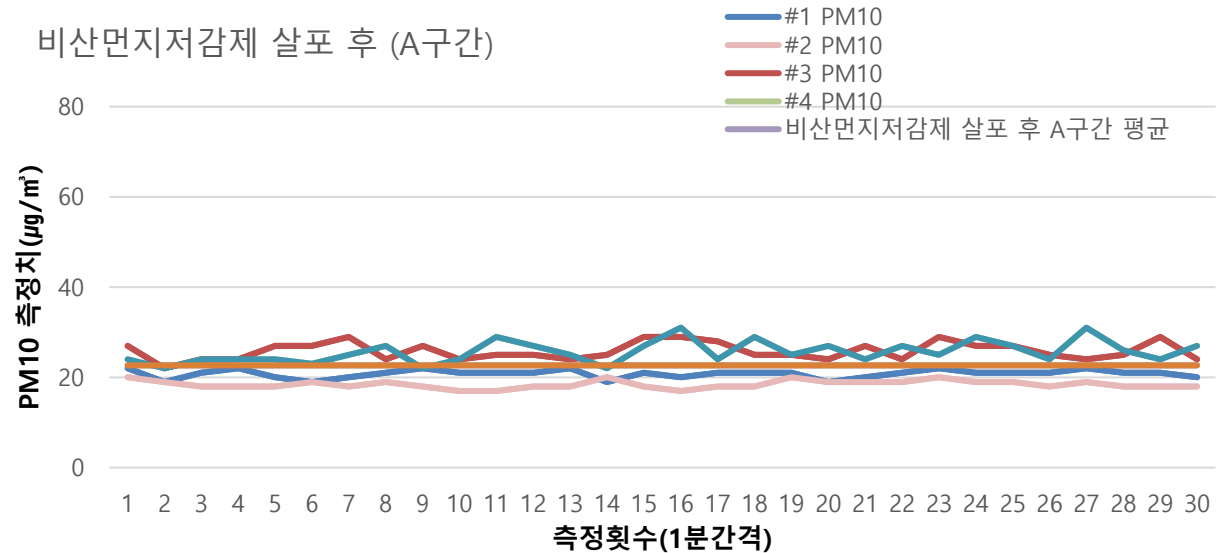
Giá trị trước phun: 51.5. Dòng kết luận thứ hai trong bản gốc ghi “trung bình khu vực không phun: 22.7”, trong khi tiêu đề biểu đồ là sau phun.

Ghi chú dịch: Giữ nguyên sự khác biệt trong nhãn của bản gốc.

10. A구간 미세먼지 농도 측정치(1차)



비살포구간 평균 : 22.7



Biểu đồ nồng độ bụi - khu vực B, lần 1

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

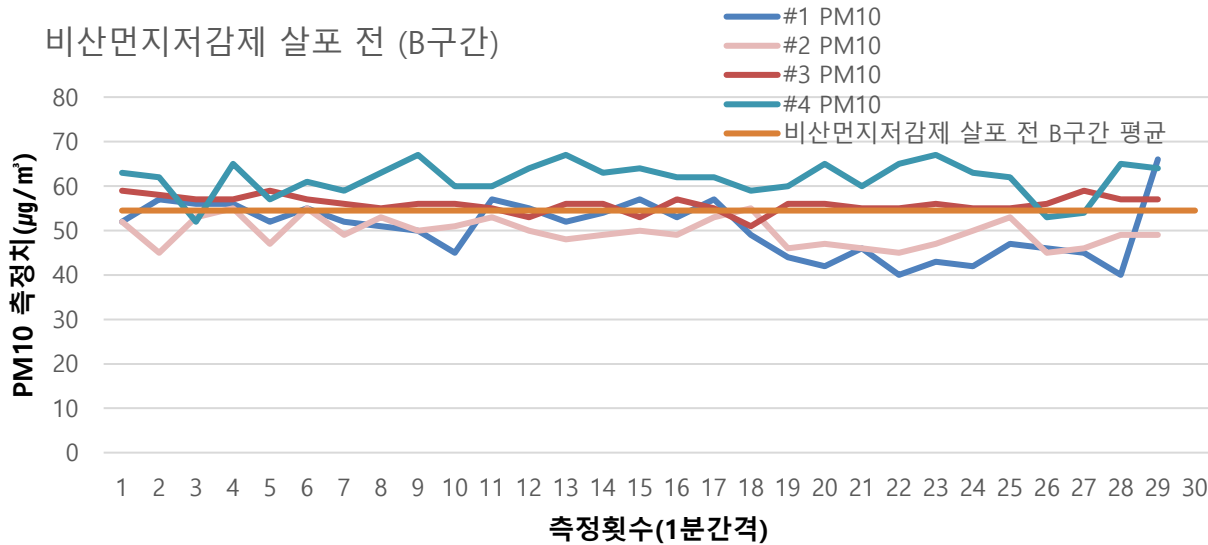
Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Biểu đồ trên: Trước khi phun, khu vực B; biểu đồ dưới: Sau khi phun, khu vực B.

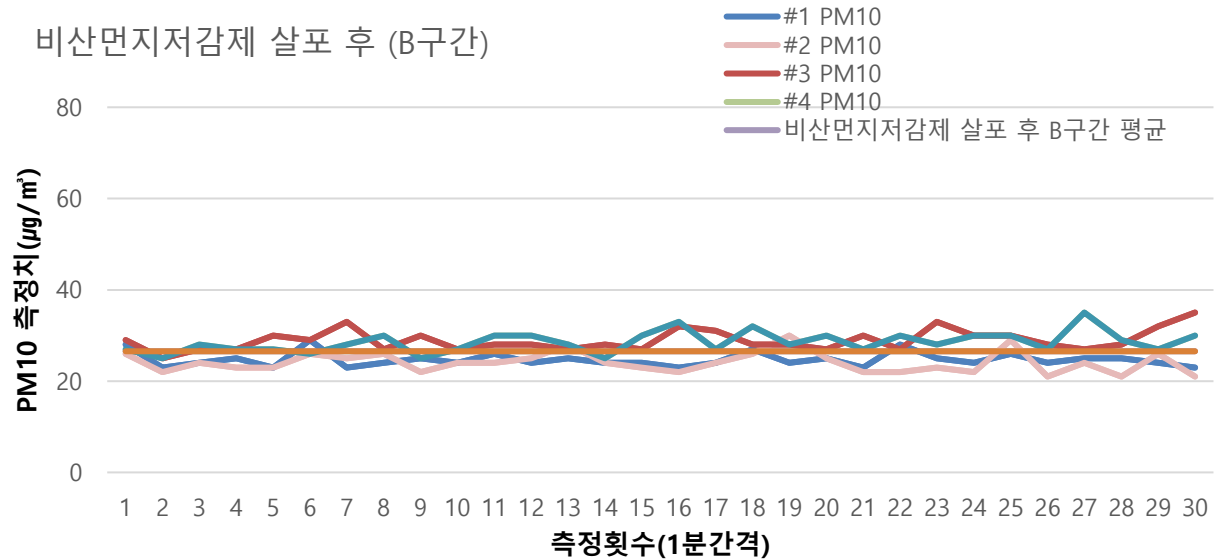
Trục dọc: Giá trị PM10 ($\mu\text{g}/\text{m}^3$); trục ngang: Số lần đo, cách nhau 1 phút. Chú giải: #1-#4 PM10 và trung bình khu vực B.

Giá trị trước phun: 54.5. Dòng kết luận thứ hai trong bản gốc ghi “trung bình khu vực không phun: 26.6”, trong khi tiêu đề biểu đồ là sau phun.

11. B구간 미세먼지 농도 측정치(1차)



비살포구간 평균 : 26.6



Biểu đồ nồng độ bụi - khu vực A và B, lần 2

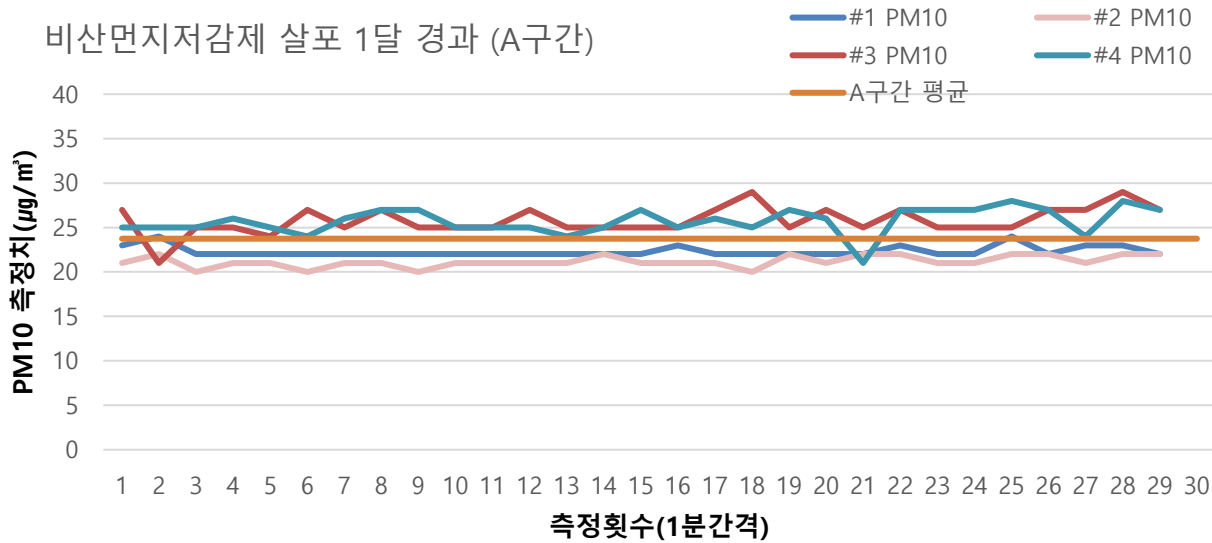
Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Sau phun khoảng 1 tháng. Biểu đồ trên: Khu vực A, trung bình 23.8. Biểu đồ dưới: Khu vực B, trung bình 22.5.

Trục dọc: PM10 ($\mu\text{g}/\text{m}^3$); trục ngang: Lần đo, cách nhau 1 phút. Chú giải: #1-#4 PM10; trung bình khu vực tương ứng.

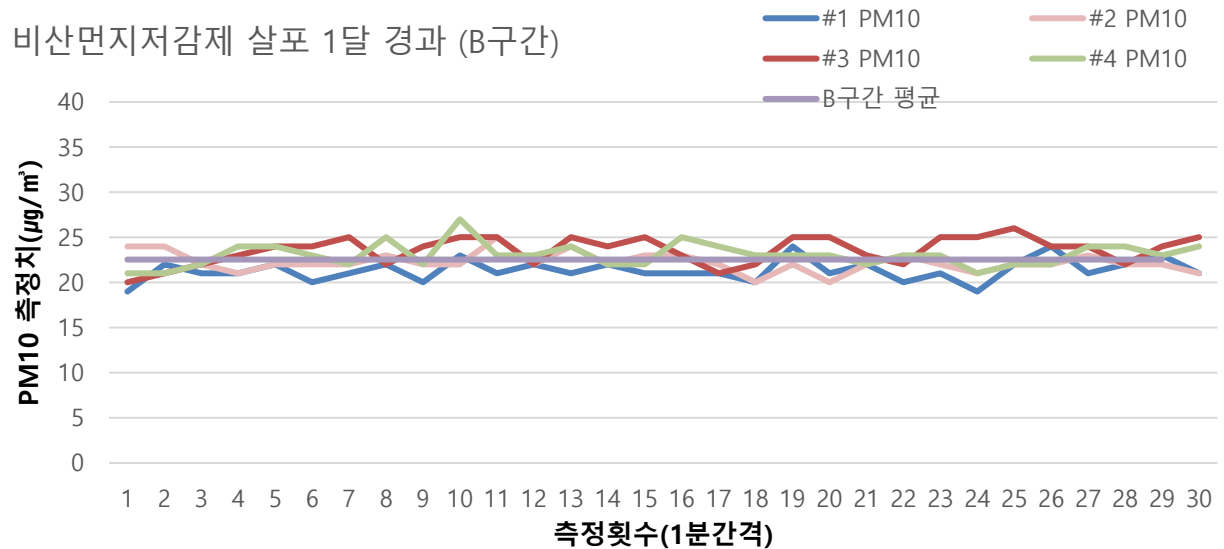
12. A, B구간 미세먼지 농도 측정치(2차)



A구간 평균 : 23.8

B구간 평균 : 22.5

비산먼지저감제 살포 1달 경과 (B구간)



Nhận xét thử nghiệm lần 1

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Kết quả và nhận xét: Tại công trường san nền dự án phát triển đô thị Asan Tangjeong của POSCO E&C, khu vực phun được chia thành A và B để thử nghiệm trước và sau khi phun.

Khu vực được chọn là mái dốc đất thải phía sau nhà trẻ Alps và Heidi, tiếp giáp công trường.

Trước phun, nồng độ bụi trung bình tại 4 điểm của A là 51.5, của B là 54.5. Sau phun, trung bình A là 22.7 và B là 26.6. Báo cáo mô tả mức giảm xấp xỉ 60% tại A và 51% tại B, cho thấy bụi được giảm ổn định ngay cả sau 15 ngày.

Ghi chú dịch: Giữ nguyên tỷ lệ do báo cáo công bố; không thay bằng tỷ lệ tính lại.

13. 실험고찰(1차)

❖ 실험결과 및 고찰

포스코이앤씨 아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장에서 비산먼지저감제 살포 구간을 A, B 구간으로 나누어 살포 전/후로 나누어 시험을 진행하였다.

살포 구간은 현장과 맞닿아 있는 알프스, 하이드 어린이집 후면 사토경사면으로 선정하여 살포 및 시험을 진행하였다.

먼저 비산먼지저감제 살포 전 A구간에 대한 미세먼지 4 Point 지점 평균은 51.5가 측정되었고 B구간 4 Point 지점 평균은 54.5가 측정되었다.

다음으로 비산먼지저감제 살포 후 A 구간의 평균은 22.7, B 구간의 평균은 26.6이 측정되어 A구간은 비산먼지저감제 살포 전·후 약 60% 감소하였고, B 구간은 약 51% 감소되어 살포 후 15일 경과 후에도 먼지 발생율이 안정적으로 저감된 것으로 나타났다.

Nhận xét thử nghiệm lần 2

Báo cáo thử nghiệm ECOPOSENC-AD - Asan Tangjeong (lần 1 và 2)

Bản dịch tham khảo theo từng trang. Giữ nguyên số liệu; chú thích dịch ghi rõ những khác biệt trong bản gốc.

Kết quả và nhận xét: Khu vực phun tại công trường Asan Tangjeong (phía sau nhà trẻ Alps và Heidi) được chia thành A và B.

Sau hơn 1 tháng (+33 ngày), đo tại 4 điểm ở mỗi khu vực cho kết quả trung bình A là 23.8 và B là 22.2 theo đoạn nhận xét của bản gốc.

Kết quả đo lần 1 sau phun là 22.7 tại A và 26.6 tại B. So với lần 1, kết quả lần 2 tương đương hoặc giảm nhẹ. Báo cáo cho rằng sai lệch nhỏ có thể do điều kiện khí quyển trong ngày đo. Vì lượng bụi giữa hai lần không thay đổi lớn, báo cáo nhận định mức giảm bụi duy trì ổn định sau hơn 1 tháng.

Ghi chú dịch: Bản gốc ghi B = 22.2 trong nhận xét, nhưng bảng và biểu đồ ghi 22.5; cả hai được giữ nguyên để đối chiếu.

14. 실험고찰(2차)

❖ 실험결과 및 고찰

포스코이앤씨 아산 탕정지구 도시개발사업 부지조성공사 현장에서(알프스, 하이드리 어린이집) 비산먼지저감제 살포 구간을 A, B 구간으로 나누어 시험을 진행하였다.

비산먼지저감제 살포 후 현재는 1달 경과(+33일) 이후이고 A구간, B구간 각각 미세먼지 4 Ponit 지점에서 측정한 결과 A구간 평균은 23.8, B구간 4 Point 지점 평균은 22.2 로 측정되었다.

비산먼지저감제 살포 후 1차 측정결과, A 구간의 평균은 22.7, B 구간의 평균은 26.6 으로 2차 측정 결과는 1차 측정결과와 비교하였을 때 이전과 같은 수치이거나 약간 감소된 수치로 나타났다. 이것은 측정한 날의 대기상태에 따라 약간씩의 오차가 발생한 것으로 생각되며 1차와 2차 측정시 미세먼지 발생량이 크게 변화하지 않아, 살포 후 한달 이상의 경과 후에도 먼지 저감율이 안정적으로 유지된 것으로 나타났다.